

**TỔNG DANH SÁCH HỖ TRỢ CƠ SỞ SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
TRÊN CẬN ĐỘT 3 NĂM 2025 XÃ VÂN HỒ**

(Từ ngày 01 tháng 9 năm 2025 đến ngày 30 tháng 11 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo niêm yết số 1849/TB-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Vân Hồ)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Tiền hỗ trợ, đơn giá theo ND 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ (đồng)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
1	2	3	8	9	10=8*9	11=6+10	12	13
Tổng			117	4.225	169.000.000	169.000.000		
Cộng bản Suối Lìn			21	612	24.480.000	24.480.000		
1	Bản Văn Tiến	Suối Lìn	5	36,0	1.440.000	1.440.000	04/09/2025	
2	Bản Văn Xuân	Suối Lìn	1	57,0	2.280.000	2.280.000	10/09/2025	
3	Đặng Thị Đám	Suối Lìn	1	58,0	2.320.000	2.320.000	14/09/2025	
4	Bản Văn Toàn	Suối Lìn	1	48,0	1.920.000	1.920.000	17/09/2025	
5	Bản Văn Khu	Suối Lìn	1	62,0	2.480.000	2.480.000	24/09/2025	
6	Bản Văn Ton	Suối Lìn	2	20,0	800.000	800.000	27/09/2025	
7	Bản Văn Chung	Suối Lìn	2	21,0	840.000	840.000	28/09/2025	
8	Bản Văn Siễn	Suối Lìn	1	72,0	2.880.000	2.880.000	05/10/2025	
9	Lê Thị Thu Hà	Suối Lìn	5	121,0	4.840.000	4.840.000	14/10/2025	
10	Bản Văn Thành	Suối Lìn	2	117,0	4.680.000	4.680.000	19/11/2025	
Cộng bản Bó Nhàng 2			3	169	6.760.000	6.760.000		
11	Mùa A Chờ	Bó Nhàng 2	1	54,0	2.160.000	2.160.000	08/09/2025	
12	Vàng A Chà	Bó Nhàng 2	1	56,0	2.240.000	2.240.000	08/09/2025	
13	Lầu A Ký	Bó Nhàng 2	1	59,0	2.360.000	2.360.000	14/09/2025	
Cộng bản Co Lóng			5	111	4440000	4440000		
14	Giàng A Tô	Co Lóng	5	111,0	4.440.000	4.440.000	04/09/2025	
Cộng bản Co Chàm			3	143	5.720.000	5.720.000		
15	Mùa A Xanh	Co Chàm	2	83,0	3.320.000	3.320.000	06/11/2025	
16	Mùa A Màng	Co Chàm	1	60,0	2.400.000	2.400.000	19/11/2025	
Cộng tiểu khu Sao Đỏ 2			12,0	363,0	14.520.000,0	14.520.000,0		
17	Đặng Văn Kim	Sao Đỏ 2	1	25,0	1.000.000	1.000.000	17/09/2025	
18	Bản Văn Quế	Sao Đỏ 2	1	29,0	1.160.000	1.160.000	19/09/2025	

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Tiền hỗ trợ, đơn giá theo ND 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ (đồng)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10=8*9</i>	<i>11=6+10</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
19	Lý Văn Dậu	Sao Đỏ 2	1	43,0	1.720.000	1.720.000	08/10/2025	
20	Lường Thị Hinh	Sao Đỏ 2	9	266,0	10.640.000	10.640.000	15/11/2025	
	Cộng bản Săn Cài		4,0	222,0	8.880.000,0	8.880.000,0		
21	Tênh A Tráng	Săn Cài	3	52,0	2.080.000	2.080.000	10/09/2025	
22	Sòng A Già	Săn Cài	1	170,0	6.800.000	6.800.000	04/11/2025	
	Cộng bản Hang Trùng 1		7,0	193,0	7.720.000,0	7.720.000,0		
23	Hà Văn Đáo	Hang Trùng 1	3	56,0	2.240.000	2.240.000	08/09/2025	
24	Đình Văn Khánh	Hang Trùng 1	4	137,0	5.480.000	5.480.000	08/09/2025	
	Cộng bản Pa Cốp		3,0	111,0	4.440.000,0	4.440.000,0		
25	Lầu A Lúa	Pa Cốp	1	44,0	1.760.000	1.760.000	15/09/2025	
26	Giàng A Tòng	Pa Cốp	2	67,0	2.680.000	2.680.000	19/09/2025	
	Cộng bản Chiềng Đi 1		16	725	29.000.000	29.000.000		
27	Giàng A Danh	Chiềng Đi 1	1	85,0	3.400.000	3.400.000	10/09/2025	
28	Bản Văn Hoà	Chiềng Đi 1	3	122,0	4.880.000	4.880.000	12/09/2025 - 14/09/2025	
29	Giàng A Páo	Chiềng Đi 1	1	25,0	1.000.000	1.000.000	12/09/2025	
30	Vàng A Thông	Chiềng Đi 1	1	65,0	2.600.000	2.600.000	15/09/2025	
31	Giàng A Chia	Chiềng Đi 1	1	41,0	1.640.000	1.640.000	17/09/2025	
32	Bản Văn Dũng	Chiềng Đi 1	1	87,0	3.480.000	3.480.000	19/09/2025	
33	Vàng Thị Dê	Chiềng Đi 1	3	29,0	1.160.000	1.160.000	20/09/2025	
34	Giàng A Lứ	Chiềng Đi 1	1	89,0	3.560.000	3.560.000	24/09/2025	
35	Vàng A Dao	Chiềng Đi 1	2	89,0	3.560.000	3.560.000	27/09/2025 - 11/10/2025	
36	Vàng A Cháy	Chiềng Đi 1	1	42,0	1.680.000	1.680.000	29/09/2025	
37	Sòng A Mai	Chiềng Đi 1	1	51,0	2.040.000	2.040.000	30/09/2025	
	Cộng bản Thương Cường		17	679	27.160.000	27.160.000		
38	Đình Công Thọ	Thương Cường	2	88,0	3.520.000	3.520.000	16/09/2025	
39	Giàng A Táng	Thương Cường	4	251,0	10.040.000	10.040.000	17/09/2025	
40	Giàng A Lứ	Thương Cường	2	64,0	2.560.000	2.560.000	19/09/2025	
41	Dừ A Nồng	Thương Cường	2	79,0	3.160.000	3.160.000	15/09/2025	
42	Lầu A Hợp	Thương Cường	1	73,0	2.920.000	2.920.000	19/09/2025	
43	Sa Thị Loan	Thương Cường	6	124,0	4.960.000	4.960.000	23/09/2025	

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Tiền hỗ trợ, đơn giá theo ND 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ (đồng)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
1	2	3	8	9	$10=8*9$	$11=6+10$	12	13
	Cộng bản Chiềng Đì 2		25	715	28.600.000	28.600.000		
44	Vàng A Trơ	Chiềng Đì 2	5	20,0	800.000	800.000	04/09/2025	
45	Sòng A Ténh	Chiềng Đì 2	2	58,0	2.320.000	2.320.000	08/09/2025	
46	Sòng A Lứ	Chiềng Đì 2	3	81,0	3.240.000	3.240.000	11/09/2025	
47	Sòng A Sanh	Chiềng Đì 2	1	52,0	2.080.000	2.080.000	14/09/2025	
48	Lầu A Thìa	Chiềng Đì 2	2	103,0	4.120.000	4.120.000	15/09/2025	
49	Giàng A Lớ	Chiềng Đì 2	1	16,0	640.000	640.000	15/09/2025	
50	Sòng A Giàng	Chiềng Đì 2	1	63,0	2.520.000	2.520.000	20/09/2025	
51	Vàng A Cháo	Chiềng Đì 2	2	109,0	4.360.000	4.360.000	20/09/2025	
52	Giàng A Páo	Chiềng Đì 2	1	24,0	960.000	960.000	01/10/2025	
53	Sòng A Già	Chiềng Đì 2	2	68,0	2.720.000	2.720.000	12/10/2025	
54	Sòng A Chánh	Chiềng Đì 2	5	121,0	4.840.000	4.840.000	04/11/2025	
	Cộng bản Hang Trùng 2		1,0	182,0	7.280.000,0	7.280.000,0		
55	Mùi Văn Thu	Hang Trùng 2	1	182,0	7.280.000	7.280.000	26/11/2025	